

Bản án số: 494/2024/DS-PT

Ngày 26-9-2024

V/v "Tranh chấp lời đi"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Thủy;

**Các Thẩm phán:** Ông Trần Quốc Vũ

Ông Nguyễn Văn Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Mạnh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024, về việc "Tranh chấp lời đi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2024/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện DMC, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 440/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** 1. Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1990;

Cư trú: ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; (có mặt).

2. Chị **Huỳnh Thị Bích L**, sinh năm 1990;

Cư trú: ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; (Vợ anh H - có mặt).

**Người đại diện theo uỷ quyền của anh H, chị L:** Chị Trương Thị P, sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- **Bị đơn:** 1. Ông **Lý Thanh T**, sinh năm 1954 (Vắng mặt);

2. Bà **Đào Thị R**, sinh năm 1956 (Vắng mặt);

3. Chị **Lý Thị Thùy T1**, sinh năm 1985 (Có mặt);

Cùng nơi cư trú: ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

**Người đại diện theo uỷ quyền của ông T, bà R, ông P1, bà T1:** Bà Lê Thị Kiều D, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh; (có mặt).

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Anh **Lê Thiên P2**, sinh năm 1968; nơi cư trú: đường L, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; (Chồng chị T1 - có mặt).

**- Người kháng cáo:**

Ông Lý Thanh T, Bà Đào Thị R, chị Lý Thị Thùy T1, là nguyên đơn; Anh Lê Thiên P2, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:**

Vợ chồng anh là chủ sử dụng phần đất diện tích 1.935,5 m<sup>2</sup>, thửa số 363, tờ bản đồ số 30 tại ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Ông T, bà R là chủ sử dụng phần đất giáp ranh với đất của anh. Từ đường dầu công cộng vào đất của anh có con đường đất ngang 4,3 m, chiều dài khoảng 43 m. Lối đi này có hiển thị trên bản đồ địa chính là đường công cộng, nhưng vợ chồng ông T, bà R xây rào chắn ngang đường nên Vợ chồng ông không sử dụng đi lại được, phải đi nhờ trên phần đất của người khác (đi qua thửa đất số 284 của ông T2 liền kề). Vợ chồng anh đã yêu cầu ông T, bà R tháo dỡ hàng rào, trả lại lối đi công cộng nhưng ông T, bà R không đồng ý.

Nay vợ chồng anh H khởi kiện yêu cầu ông T, bà R mở lối đi công cộng đo đạc thực tế là 81,4 m<sup>2</sup>; yêu cầu chị T1 mở lối đi công cộng đo đạc thực tế là 07 m<sup>2</sup>, đất tại ấp K, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

*Chị Huỳnh Thị Bích L trình bày:* Chị thống nhất với lời trình bày và quyết định của anh H.

**\* Đại diện theo ủy quyền của bị đơn, Bà Lê Thị Kiều D trình bày:**

Ông T, bà R có phần đất diện tích 5.351 m<sup>2</sup>, thửa số 209, tờ bản đồ 11 (bản đồ năm 2000), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AC 860717, số vào sổ HL 00430 do Ủy ban nhân dân Huyện D cấp cho ông T, bà R đứng tên ngày 27-10-2005.

Liên quan đến đường đi công cộng, thông tin chủ các thửa đất có liên quan như sau: Thửa đất 208: Ban đầu của ông T2, bà X. Ông T2 chuyển nhượng một phần từ thửa 208 cho anh P3, sau đó anh P3 chuyển nhượng lại cho anh H, chị L (hiện thửa 363 tờ bản đồ 30), thửa còn lại của ông T2, bà X hiện tại là thửa 284. Thửa đất 209: Ông T bà R. Thửa đất 211: Ban đầu của ông T3, sau đó chuyển nhượng cho anh P2, chị T1 (hiện tại là thửa 302; 356 tờ bản đồ 30). Tại lối đi tranh chấp thì theo bản đồ năm 1993 là không có đường (ông Đ cán bộ địa chính xã ý kiến trong Biên bản hòa giải tranh chấp đường xe, ngày 02/3/2023).

Theo tờ bản đồ số 11 năm 2000 thì có một con đường đi bắt đầu tiếp giáp đường số 13 theo hướng T kết thúc theo hướng Tây Nam do bị chặn bởi con mương thoát nước của nông trường cao su Cầu Khởi. Đường đi bắt đầu từ đầu thửa đất số 206, 199 tiếp giáp đường số 13 kết thúc tại thửa đất số 210; 212. Đường đi theo bìa ranh gồm một bên là các thửa 206; 209; 210 và một bên là các thửa 199; 207; 208; 211; 212. Đường đi trên tờ bản đồ số 11 năm 2000 này

phản ánh đúng với hiện trạng thực tế tại thời điểm đó. Theo đó thửa đất số 209 của ông T, bà R nằm tại vị trí cuối đường, đường đi này lại không có hướng thông về hướng T do bị chặn bởi con mương thoát nước của nông trường cao su Cầu Khởi. Hàng năm Nông trường cao su thường xuyên nạo vét mương sâu khoảng 3 m, rộng khoảng 3 m, hiện tại từ trước đến nay vẫn chưa có cái cầu nào được bắc để đi ngang qua con mương này, đồng nghĩa với sự không cho phép đi vượt ngang qua con mương này, nên đoạn đường đi ngang ranh đất ông T, bà R (thửa 209) và đất ông T3 (Thửa 211) chỉ có ông T, bà R sử dụng.

Do vậy, vào khoảng năm 2010 do ông T, bà R không còn cần thiết sử dụng đoạn đường này nữa nên ông T, bà R và ông T3 thống nhất cùng rào đoạn đường theo bìa ranh đất của ông T, bà R cho đến hiện tại. Ông G (thửa 210), bà P4 (thửa 212) sử dụng đoạn đường hướng Tây Nam. Đoạn đi theo bìa ranh thửa 210; 212 đi băng ngang qua con mương thoát nước của nông trường cao su Cầu Khởi. Ông H1 (thửa 207), ông T2, bà X (thửa 208) hiện vẫn sử dụng đoạn đường đi chung theo hướng T. Đoạn đi theo bìa ranh thửa 199; 206; 207; 208 để vào ra đường số A. Sau khi anh H nhận chuyển nhượng đất của anh P3 (trước đây anh P3 mua đất này của ông T2) thì anh H vẫn sử dụng đoạn đường đi chung theo hướng T. Đoạn đi theo bìa ranh thửa 199; 206; 207; 208 để vào ra đường số A.

Giai đoạn năm 2010-2015 thì ông T2 khi làm thủ tục chuyển nhượng đất cho anh P3 (anh trai anh H) thì không rõ lý do gì mà trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai người này lại không còn đoạn đường đi chung cũng như đoạn đường nằm giữa hai thửa 208 (ông T2, bà X; anh P3) và thửa 211 (ông T3).

Năm 2014, con gái ông T, bà R là Lý Thị Thùy T1 nhận chuyển nhượng đất của ông T3 đến khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 288117; BX 288118 ngày 07-11-2014 thì sơ đồ thửa 302; 356 tờ bản đồ 30, (thửa 211 tờ bản đồ 11, năm 2000) lại không còn đoạn đường đi phía bên thửa đất 363 của anh H (anh H nhận một phần chuyển nhượng của ông T2, bà X - thửa cũ 208 tờ bản đồ 11 năm 2000). Đoạn đường nằm giữa hai ranh đất thuộc thửa 302; 356 tờ bản đồ 30 (thửa 211 tờ bản đồ 11 năm 2000) đất anh P2, chị T1) và thửa đất 363 của anh H đã không còn đoạn đường. Theo hiện trạng thực tế và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh H là không trùng khớp với nhau. Vì hiện trạng thực tế anh H vẫn đang có lối đi riêng mà anh H lại dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình (Trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại không hiển thị lối đi) để yêu cầu ông T, bà R mở lối đi cho thửa 363 của anh H là điều vô lý.

Do đó, ông T, bà R, chị T1, anh P2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh H, chị L. Trường hợp nếu phải mở con đường công cộng thì yêu cầu phục hồi con đường theo bản đồ địa chính năm 2000 đã thể hiện tại bản vẽ hiện trạng của công ty Đ1.

**\* Chị Lý Thị Thùy T1, anh Lê Thiên P2 trình bày:** Thống nhất với lời trình bày của bà D.

Kết quả đo đạc hiện trạng đất tranh chấp: Diện tích lối đi tranh chấp đo đạc thực tế là 88,4 m<sup>2</sup>, trong đó hiện ông T, bà R đang sử dụng 81,4 m<sup>2</sup>; chị T1, anh P2 đang sử dụng 7 m<sup>2</sup>. Diện tích đất không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T, bà R, chị T1, anh P2.

**\* Bản án sơ thẩm dân sự số 98/2024/DSST ngày 09/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện DMC đã tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị Bích L đối với ông Lý Thanh T, bà Đào Thị R, bà Lý Thị Thùy T1 về mở lối đi công cộng.

1.1. Buộc ông Lý Thanh T, bà Đào Thị R có trách nhiệm tháo dỡ hàng rào, thanh lý các cây trồng nằm trên diện tích 81,4 m<sup>2</sup> trả lại hiện trạng đường đi công cộng. Đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp đất bà Lý Thị Thùy T1 (thửa 302) dài 33,85m;

Hướng Tây giáp đường đất dài 2,33m;

Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn H (thửa 363) dài 2,49m;

Hướng Bắc giáp đất bà Đào Thị R (thửa 283) dài 33,92m.

1.2. Buộc bà Lý Thị Thùy T1, ông Lê Thiên P2 có trách nhiệm tháo dỡ hàng rào, thanh lý các cây trồng nằm trên diện tích 07 m<sup>2</sup> trả lại hiện trạng đường đi công cộng. Đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp đất bà Lý Thị Thùy T1 (thửa 302) dài 34,53m;

Hướng Tây giáp đường đất dài 0,79m;

Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn H (thửa 363) dài 0,0m;

Hướng Bắc giáp đất bà Đào Thị R (thửa 282) dài 33,85m.

1.3. Diện tích lối đi tranh chấp trên có bản vẽ kèm theo. Đất tại ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án dân sự của đương sự

**\* Yêu cầu kháng cáo:**

+ Vào ngày 22/7/2024, ông Lý Thanh T, bà Đào Thị R, chị Lý

Thị Thùy Trinh, và anh Lê Thiên P2 kháng cáo không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của nguyên đơn.

**- Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Anh Nguyễn Văn H, Chị Huỳnh Thị Bích L và Ông Lý Thanh T, Bà Đào Thị R, chị Lý Thị Thùy T1, và anh Lê Thiên P2 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sự thỏa thuận cụ thể như sau:

- Ông Lý Thanh T, bà Đào Thị R tự nguyện tháo dỡ hàng rào, thanh lý các cây trồng nằm trên diện tích 81,4 m<sup>2</sup> khôi phục lại hiện trạng đường đi công cộng. Đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp đất chị Lý Thị Thùy T1 (thửa 302) dài 33,85m;

Hướng Tây giáp giáp đường đất dài 2,33m;

Hướng Nam giáp đất anh Nguyễn Văn H (thửa 363) dài 2,49m;

Hướng Bắc giáp đất bà Đào Thị R (thửa 283) dài 33,92m.

- Chị Lý Thị Thùy T1, anh Lê Thiên P2 tự nguyện tháo dỡ hàng rào, thanh lý các cây trồng nằm trên diện tích 07 m<sup>2</sup> khôi phục lại hiện trạng đường đi công cộng. Đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp đất chị Lý Thị Thùy T1 (thửa 302) dài 34,53m;

Hướng Tây giáp đường đất dài 0,79m;

Hướng Nam giáp đất anh Nguyễn Văn H (thửa 363) dài 0,0m;

Hướng Bắc giáp đất bà Đào Thị R (thửa 282) dài 33,85m.

\* Diện tích lối đi trên có bản vẽ kèm theo. Đất tại ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Anh Nguyễn Văn H chị Huỳnh Thị Bích L tự nguyện tháo dỡ hàng rào, thanh lý cây trồng (nếu có) trên diện tích đất khoảng 70 m<sup>2</sup> trong tổng diện tích 1.763,5m<sup>2</sup> anh H chị L đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/01/2020, khôi phục lại đường đi công cộng có trên tờ bản đồ địa chính số 11 năm 2000. Đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp đất anh H (thửa 363) dài 20m;

Hướng Tây giáp giáp đường đất dài 2,49m;

Hướng Nam giáp đường công cộng dài 4m (do ông Đào Hồng T4 đã tự nguyện khôi phục đường công cộng cho anh Nguyễn Văn P5 là anh ruột của anh H sử dụng từ năm 2011, sau đó anh P5 chuyển nhượng cho anh H chị L vẫn sử dụng con đường này);

Hướng Bắc giáp thửa đất 351 (Tờ bản đồ địa chính số 30 năm 2010) dài 19,99m.

Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 628455, số vào sổ cấp GCN: CS03461 ngày 10/01/2020 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Văn H và chị Huỳnh Thị Bích L cho phù hợp với Quyết định của Bản án.

***- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:***

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện DMC.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:*

**[1]** Về thủ tục tố tụng:

Kháng cáo của ông Lý Thanh T, bà Đào Thị R, chị Lý Thị Thùy T1, và anh Lê Thiên P2 hợp lệ theo quy định tại các Điều: 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2]** Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

**[3]** Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa là có căn cứ.

**[4]** Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm:

Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm theo nội dung thỏa thuận tại phiên tòa phúc thẩm, cụ thể như sau:

- Về chi phí tố tụng: Tổng cộng anh H chị L đã nộp 32.200.000đ, anh H chị L tự nguyện chịu 16.100.000đ, chị T1 anh P2 hoàn trả cho anh H chị L 16.100.000đ và chị T1 anh P2 tự nguyện chịu 3.000.000đ chi phí thẩm định tại chỗ phúc thẩm (Ghi nhận đã nộp xong).

- Ông T bà R được miễn án phí STDS, chị T1 anh P2 chịu 300.000đ án phí DSST.

**[5]** Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lý Thanh T, bà Đào Thị R được miễn. chị Lý Thị Thùy T1, và anh Lê Thiên P2 phải chịu 300.000đ.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-

12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2024/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn H, Chị Huỳnh Thị Bích L và ông Lý Thanh T, bà Đào Thị R, chị Lý Thị Thùy T1, anh Lê Thiên P2 tại phiên tòa phúc thẩm.

Sự thỏa thuận cụ thể như sau:

- Ông Lý Thanh T, bà Đào Thị R tự nguyện tháo dỡ hàng rào, thanh lý các cây trồng nằm trên diện tích 81,4 m<sup>2</sup> khôi phục lại hiện trạng đường đi công cộng. Đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp đất chị Lý Thị Thùy T1 (thửa 302) dài 33,85m;

Hướng Tây giáp giáp đường đất dài 2,33m;

Hướng Nam giáp đất anh Nguyễn Văn H (thửa 363) dài 2,49m;

Hướng Bắc giáp đất bà Đào Thị R (thửa 283) dài 33,92m.

- Chị Lý Thị Thùy T1, anh Lê Thiên P2 tự nguyện tháo dỡ hàng rào, thanh lý các cây trồng nằm trên diện tích 07 m<sup>2</sup> khôi phục lại hiện trạng đường đi công cộng. Đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp đất chị Lý Thị Thùy T1 (thửa 302) dài 34,53m;

Hướng Tây giáp đường đất dài 0,79m;

Hướng Nam giáp đất anh Nguyễn Văn H (thửa 363) dài 0,0m;

Hướng Bắc giáp đất bà Đào Thị R (thửa 282) dài 33,85m.

\* Diện tích lối đi trên có bản vẽ kèm theo. Đất tại ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Anh Nguyễn Văn H chị Huỳnh Thị Bích L tự nguyện tháo dỡ hàng rào, thanh lý cây trồng (nếu có) trên diện tích đất khoảng 70 m<sup>2</sup> trong tổng diện tích 1.763,5m<sup>2</sup> anh H chị L đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/01/2020, khôi phục lại đường đi công cộng có trên tờ bản đồ địa chính số 11 năm 2000. Đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp đất anh H (thửa 363) dài 20m;

Hướng Tây giáp giáp đường đất dài 2,49m;

Hướng Nam giáp đường công cộng dài 4m (do ông Đào Hồng T4 đã tự nguyện khôi phục đường công cộng cho anh Nguyễn Văn P5 là anh ruột của anh H sử dụng từ năm 2011, sau đó anh P5 chuyển nhượng cho anh H chị L vẫn sử dụng con đường này);

Hướng Bắc giáp thửa đất 351 (Tờ bản đồ địa chính số 30 năm 2010) dài 19,99m.

3. Về chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc:

**3.1.** Anh Nguyễn Văn H chị Huỳnh Thị Bích L đã nộp 32.200.000đ, anh H chị L tự nguyện chịu 16.100.000đ, Chị Lý Thị Thùy T1 anh Lê Thiên P2 hoàn trả cho anh Nguyễn Văn H, chị Huỳnh Thị Bích L số tiền 16.100.000 (*mười sáu triệu một trăm nghìn*) đồng.

**3.2.** Anh Lê Thiên P2 chị Lý Thị Thùy T1 tự nguyện chịu 2.000.000đ (Ghi nhận đã nộp xong).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015*

**4.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn H, chị Huỳnh Thị Bích L không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu hoàn trả cho anh H, chị L 600.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0013219 ngày 28-3-2023, số 0013968 ngày 09-10-2023.

Ông Lý Thanh T, bà Đào Thị R được miễn án phí.

Chị Lý Thị Thùy T1 phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng.

**5.** Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Lý Thanh T, bà Đào Thị R được miễn án phí.

- Chị Lý Thị Thùy T1, anh Lê Thiên P2 phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0007943 ngày 22/7/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện DMC, chị T1 anh P2 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

**6.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**7.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND TTN;
- TAND huyện DMC;
- Chi cục THADS h. DMC ;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Bích Thủy**